SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

Số: 464 /QĐ/TGĐ-MXV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 06 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Giao dịch sản phẩm Bạc mini, Đồng mini, Bạc micro, Đồng micro thuộc Sở Giao dịch hàng hóa COMEX tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

- *Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005;*
- *Căn cứ Nghị định số 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Nghị định số 51/2018/NĐ-CP ngày 9/4/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2006/NĐ-CP ngày 28/12/2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở Giao dịch hàng hóa;*
- *Căn cứ Giấy phép thành lập Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam số 4596/GP-BCT do Bộ Công Thương cấp ngày 01/09/2010 và các Giấy phép sửa đổi, bổ sung;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Căn cứ Quy chế Niêm yết và Giao dịch Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn hàng hóa tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam;*
- *Xét đề nghị của Khối Quản lý giao dịch,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dịch các sản phẩm mới tại Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam (MXV), theo danh sách như sau:

1. Bạc mini thuộc Sở giao dịch hàng hóa COMEX (viết tắt là "Bạc mini COMEX").
2. Đồng mini thuộc Sở giao dịch hàng hóa COMEX (viết tắt là "Đồng mini COMEX").
3. Bạc micro thuộc Sở giao dịch hàng hóa COMEX (viết tắt là "Bạc micro COMEX").
4. Đồng micro thuộc Sở giao dịch hàng hóa COMEX (viết tắt là "Đồng micro COMEX").

Các quy định liên quan đến sản phẩm, giao dịch sản phẩm được ban hành chi tiết tại Phụ Lục 01 đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **05/07/2022**.

Điều 3. Ban Giám đốc, các Đơn vị nghiệp vụ trực thuộc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam; Thành viên Kinh doanh; Thành viên Môi giới chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- *Như Điều 3;*
- *HĐQT (để b/c);*
- *Lưu: HC./.*

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

Dương Đức Quang

PHỤ LỤC 01

QUY ĐỊNH CHI TIẾT LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH SẢN PHẨM BẠC MINI, ĐỒNG MINI, BẠC MICRO, ĐỒNG MICRO TẠI SỞ GIAO DỊCH HÀNG HÓA VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1064 /QĐ/TGĐ-MXV của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Hàng hóa Việt Nam ngày 30 tháng 06 năm 2022)

1. Đặc tả Hợp đồng Kỳ hạn tiêu chuẩn sản phẩm

1.1. Bạc mini COMEX

Hàng hóa cơ sở	Bạc COMEX
Ký hiệu hàng hóa	MQI
Độ lớn hợp đồng	2 500 troy ounce / lot
Đơn vị yết giá	USD / troy ounce
Bước giá	0.0125 USD / troy ounce
Tháng đáo hạn	Theo quy định của MXV
Giờ giao dịch	Thứ 2 – Thứ 6: 05:00 – 04:00 (ngày hôm sau)
Ngày thông báo đầu tiên	Theo quy định của MXV
Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày làm việc thứ 3 cuối cùng của tháng liền trước tháng đáo hạn
Ký quỹ	Theo quy định của MXV
Giới hạn vị thế	Theo quy định của MXV
Biên độ giá	Theo quy định của MXV
Phương thức thanh toán	Không giao nhận vật chất
Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn được chi tiết bên dưới

Tiêu chuẩn chất lượng:

Theo quy định của sản phẩm Bạc (Silver) giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa COMEX.

1.2. Đồng mini COMEX

Hàng hóa cơ sở	Đồng COMEX
Ký hiệu hàng hóa	MQC
Độ lớn hợp đồng	12 500 pound / lot
Đơn vị yết giá	USD / pound
Bước giá	0.002 USD / pound
Tháng đáo hạn	Theo quy định của MXV
Giờ giao dịch	Thứ 2 – Thứ 6: 05:00 – 04:00 (ngày hôm sau)
Ngày thông báo đầu tiên	Theo quy định của MXV

Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày làm việc thứ 3 cuối cùng của tháng liền trước tháng đáo hạn
Ký quỹ	Theo quy định của MXV
Giới hạn vị thế	Theo quy định của MXV
Biên độ giá	Theo quy định của MXV
Phương thức thanh toán	Không giao nhận vật chất
Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn được chi tiết bên dưới

Tiêu chuẩn chất lượng:

Theo quy định của sản phẩm Đồng (Copper) giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa COMEX.

1.3. Bạc micro COMEX

Hàng hóa cơ sở	Bạc COMEX
Mã hàng hóa	SIL
Độ lớn hợp đồng	1 000 troy ounce / lot
Đơn vị giao dịch	USD / troy ounce
Thời gian giao dịch	Thứ 2 – Thứ 6: 05:00 - 04:00 (ngày hôm sau)
Bước giá	0.005 USD / troy ounce
Tháng đáo hạn	Theo quy định của MXV
Ngày đăng ký giao nhận	Ngày làm việc thứ 5 trước ngày thông báo đầu tiên
Ngày thông báo đầu tiên	Ngày làm việc cuối cùng của tháng liền trước tháng đáo hạn
Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày làm việc thứ 3 cuối cùng của tháng đáo hạn
Ký quỹ	Theo quy định của MXV
Giới hạn vị thế	Theo quy định của MXV
Biên độ giá	Theo quy định của MXV
Phương thức thanh toán	Giao nhận vật chất
Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn được chi tiết bên dưới

Tiêu chuẩn chất lượng:

Theo quy định của sản phẩm Bạc (Silver) giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa COMEX.

1.4. Đồng micro COMEX

Hàng hóa cơ sở	Đồng COMEX
Mã hàng hóa	MHG

Độ lớn hợp đồng	2 500 pound / lot
Đơn vị giao dịch	USD / pound
Thời gian giao dịch	Thứ 2 – Thứ 6: 05:00 - 04:00 (ngày hôm sau)
Bước giá	0.0005 USD / pound
Tháng đáo hạn	Theo quy định của MXV
Ngày thông báo đầu tiên	Theo quy định của MXV
Ngày giao dịch cuối cùng	Ngày làm việc thứ 3 cuối cùng của tháng liền trước tháng đáo hạn
Ký quỹ	Theo quy định của MXV
Giới hạn vị thế	Theo quy định của MXV
Biên độ giá	Theo quy định của MXV
Phương thức thanh toán	Không giao nhận vật chất
Tiêu chuẩn chất lượng	Tiêu chuẩn được chi tiết bên dưới

Tiêu chuẩn chất lượng:

Theo quy định của sản phẩm Đồng (Copper) giao dịch trên Sở Giao dịch hàng hóa COMEX.

2. Mức ký quỹ giao dịch các sản phẩm

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Mức ký quỹ ban đầu	
1	Bạc mini	MQI	Kim loại	COMEX	4,675	USD
2	Đồng mini	MQC	Kim loại	COMEX	3,025	USD
3	Bạc micro	SIL	Kim loại	COMEX	1,870	USD
4	Đồng micro	MHG	Kim loại	COMEX	605	USD

3. Biên độ giá giao dịch các sản phẩm

STT	Tên hàng hóa	Mã hàng hóa	Nhóm hàng hóa	Sở Giao dịch hàng hóa nước ngoài liên thông	Biên độ giá
1	Bạc mini	MQI	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán
2	Đồng mini	MQC	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán
3	Bạc micro	SIL	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán
4	Đồng micro	MHG	Kim loại	COMEX	10% giá thanh toán